



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

NGUYỄN PHƯƠNG THANH

Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) đã được nhà nước ban hành và thực hiện từ ngày 1.1.1999. Bộ tài chính đã có nhiều văn bản hướng dẫn thi hành thuế GTGT. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin được hướng dẫn cụ thể (bằng những ví dụ) kế toán thuế GTGT.

1. Khái niệm thuế GTGT

Thuế GTGT là thuế tính trên khoản giá trị gia tăng (giá trị tăng thêm) của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng có nghĩa là thuế GTGT chỉ tính trên phần giá trị tăng thêm với thuế suất quy định. Khác với thuế doanh thu ở chỗ: thuế doanh thu tính trên doanh thu với thuế suất ở tất cả các khâu, còn thuế GTGT chỉ tính trên phần giá trị tăng thêm với thuế suất. Cho nên ưu điểm của thuế GTGT không bị tính trùng lặp nhiều lần như thuế doanh thu.

2. Căn cứ tính thuế GTGT

Thuế GTGT được tính dựa vào 2 yếu tố sau:

2.1. Giá tính thuế GTGT

Giá tính thuế GTGT được quy định như sau:

- Đối với hàng hóa dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT. Như vậy giá bán (giá trên thị trường) không có thuế GTGT, còn giá thanh toán bao gồm giá bán và thuế GTGT.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (giá bán). Giá thanh toán bao gồm giá bán cộng với thuế GTGT.

- Đối với hoạt động xây dựng, giá tính thuế GTGT là giá xây dựng chưa có thuế GTGT (giá dự toán).

2.2. Thuế suất thuế GTGT

Mức thuế suất GTGT được quy định

- . Mức thuế suất 0% đối với hàng xuất khẩu
- . Mức thuế suất 5% đối với hàng hóa là thuốc chữa bệnh, phân bón...
- . Mức thuế suất 10% đối với hàng hóa là dầu mỡ, khí đốt...
- . Mức thuế suất 20% đối với hàng hóa, dịch vụ là vàng bạc, khách sạn, du lịch, ăn uống...

3. Phương pháp tính thuế GTGT

3.1. Phương pháp khấu trừ thuế:

Số thuế GTGT phải nộp bằng số thuế GTGT đầu ra (-) trừ số thuế GTGT đầu vào theo công thức dưới đây:

Số thuế GTGT phải nộp = Số thuế GTGT đầu ra (1) - Số thuế GTGT đầu vào (2)

(1) Số thuế GTGT đầu ra được tính bằng cách lấy giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ nhân (x) với thuế suất.

(2) Số thuế GTGT đầu vào bằng tổng số thuế GTGT đã thanh toán (đã nộp) được ghi trên hóa đơn hoặc chứng từ nộp thuế GTGT.

Phương pháp này được áp dụng đối với các doanh nghiệp có đầy đủ về kế toán, hóa đơn, chứng từ.

Ví dụ 1: Một doanh nghiệp X tiêu thụ 50 hàng hóa A. Trên hóa đơn bán đã ghi:

Giá bán 50 hàng hóa A: 150.000.000đ (50 x 3.000.000đ) thuế GTGT 10% trên giá bán: 15.000.000đ. Giá thanh toán 165.000.000đ. Khi doanh nghiệp X mua 50 hàng hóa A, trên hóa đơn mua đã ghi: giá bán 130.000.000đ (50 x 2.600.000đ), thuế GTGT 10%: 13.000.000đ, giá thanh toán 143.000.000đ.

Như vậy thuế GTGT phải nộp sẽ là:

15.000.000đ - 13.000.000đ = 2.000.000đ

3.2. Phương pháp trực tiếp tính thuế GTGT

Phương pháp này bao gồm 2 cách tính:
 Cách 1: Số thuế GTGT phải nộp được xác định theo công thức sau:

Số thuế GTGT Phải nộp	=	Giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế (1)	x	Thuế suất (2)
(1) Giá trị gia tăng của hàng hóa dịch vụ	=	Giá thanh toán của hàng hóa dịch vụ bán ra (3)	-	Giá thanh toán của hàng hóa dịch vụ mua vào tương ứng (4)

(3) Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả thuế GTGT

(4) Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng là giá bao gồm cả thuế GTGT của số nguyên vật liệu đã sử dụng để sản xuất sản phẩm (không bao gồm nguyên vật liệu tồn kho) hoặc số hàng hóa mua vào đã bán ra (không bao gồm hàng hóa tồn kho).

Ví dụ 2: cũng số liệu trong ví dụ 1

Giá trị gia tăng của hàng hóa dịch vụ = 165.000.000đ - 143.000.000đ = 22.000.000đ

Số thuế GTGT phải nộp = 22.000.000đ x 10% = 2.200.000đ

Cách 2: Số thuế GTGT phải nộp được xác định trên cơ sở doanh thu, tỷ lệ gia tăng (do cơ quan thuế xác định) với thuế suất quy định.

Ví dụ 3: Một doanh nghiệp X ấn định doanh thu 150.000.000đ, tỷ lệ gia tăng: 15%, thuế GTGT 10% thì thuế GTGT phải nộp:

Giá trị gia tăng: 150.000.000đ x 15% = 22.500.000đ

Thuế giá trị gia tăng phải nộp:

22.500.000đ x 10% = 2.250.000đ

4. Kế toán thuế GTGT

4.1. Kế toán thuế GTGT được khấu trừ
 Thuế GTGT được khấu trừ (gọi tắt thuế GTGT đầu vào) được sử dụng TK 133 - thuế GTGT được khấu trừ. Tài khoản này chỉ áp dụng với doanh nghiệp thuộc diện chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.

Tài khoản này bao gồm 2 tài khoản cấp 2:

* Tài khoản 1331 - thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ

* Tài khoản 1332 - thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ

4.2. Kế toán thuế GTGT phải nộp
 Thuế GTGT phải nộp (gọi tắt thuế GTGT đầu ra) được sử dụng tài khoản 3331 - thuế GTGT phải nộp.

Tài khoản này được chia thành 2 tài khoản cấp 3

* Tài khoản 33311 - thuế GTGT đầu ra

* Tài khoản 33312 - thuế GTGT hàng nhập khẩu

5. Kế toán tổng hợp

5.1. Đối với doanh nghiệp thuộc diện chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế

a. Trường hợp thuế GTGT đầu ra lớn hơn thuế GTGT đầu vào

Ví dụ 4: cũng số liệu ví dụ 1

1. Khi mua nguyên vật liệu hoặc hàng hóa ghi:

Nợ TK 152, 156 : 130.000.000đ

Nợ TK 133 : 13.000.000đ

Có TK 111, 112, 331 : 143.000.000đ

2. Khi tiêu thụ sản phẩm hoặc hàng hóa ghi:

Nợ TK 111, 112, 131 : 165.000.000đ

Có TK 511 : 150.000.000đ

Có TK 3331 : 15.000.000đ

3. Cuối tháng kết chuyển GTGT được khấu trừ ghi:

Nợ TK 3331 : 13.000.000đ

Có TK 133 : 13.000.000đ

Nộp thuế GTGT ghi:

Nợ TK 3331 : 2.000.000đ

Có TK 111, 112 : 2.000.000đ

b. Trường hợp thuế GTGT đầu ra nhỏ hơn thuế GTGT đầu vào

Ví dụ 5: cũng số liệu trong ví dụ 1 chỉ khác số sản phẩm hàng hóa mới tiêu thụ 50%

1. Nợ TK 152, 156 : 130.000.000đ

Nợ TK 133 : 13.000.000đ

Có TK 111, 112, 331 : 143.000.000đ

2. Nợ TK 111, 112 131 : 82.500.000đ

Có TK 511 : 75.000.000đ

Có TK 3331 : 7.500.000đ

3. Cuối tháng kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ ghi:

Nợ TK 3331 : 7.500.000đ

Có TK 133 : 7.500.000đ

Số thuế GTGT chưa được khấu trừ (7.500.000đ) sẽ được khấu trừ vào kỳ sau hoặc được cơ quan thuế xét hoàn thuế ■

